TAND HUYỆN TU **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2023/QĐST - HNGĐ	*TU, ngày 21 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Dương Thị Tuyết Thanh.

Thư ký phiên họp: Ông Giang Tiến Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TU.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2023/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2023/QĐST- HNGĐ ngày 09/8/2023 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Lù Văn T, sinh năm 1961; Địa chỉ: bản B, xã P, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

- Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lù Thị L, sinh ngày 16/7/1992; Địa chỉ: Bản B, xã P, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

2. Anh Nông Văn A, sinh ngày 01/10/1971; Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã P, huyện TU, tỉnh Lai Châu; Địa chỉ: Bản P, xã P, huyện TU, tỉnh Lai Châu.

Đại diện theo pháp Luật: Ông Lê Việt Vương - Chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự của người yêu cầu ông Lù Văn T trình bày:

Ông có con gái tên là Lù Thị L, sinh ngày 16/7/1992. Ngày 16/3/2007, Lù Thị L và anh Nông Văn A, sinh ngày 01/10/1971 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Than Uyên (nay là huyện TU), tỉnh Lai Châu. Tại thời điểm đăng ký kết hôn con gái Lù Thị L khai trên tờ khai đăng ký kết hôn ngày tháng năm sinh là 15/7/1988 mục đích khai như vậy để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Hiện nay, do đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, chị L không mong muốn tiếp tục

chung sống với anh Nông Văn A nữa, hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân. Do vậy, ông T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TU hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Lù Thị L và anh Nông Văn A.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của người có quyền L, nghĩa vụ liên quan chị Lù Thị L và anh Nông Văn A đều trình bày: chị L và anh Anh kết hôn ngày 16/3/2007 tại UBND xã P, huyện Than Uyên nay là huyện TU, tỉnh Lai Châu. Khi kết hôn anh chị hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời điểm kết hôn chị L được 14 tuổi 8 tháng còn anh Anh được 36 tuổi, chị L chính xác sinh ngày 16/7/1992 nhưng khi đăng ký kết hôn chị L đã tự ý khai tăng tuổi để đảm bảo độ tuổi kết hôn. Đến nay, ông T đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn giữa hai anh chị thì chị L và anh Anh hoàn toàn nhất trí vì hiện nay anh chị cũng không chung sống cùng nhau, không còn yêu thương và không hạnh phúc, sống ly thân đã lâu, cả hai đều không có nguyện vọng đăng ký kết hôn lại theo quy định. Về con chung chị L và anh Anh có 01 con chung là Nông Anh T1, sinh ngày 26/4/2008. Hiện nay con chung đang chung sống cùng anh Anh tại tổ dân phố H, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh Lai Châu. Anh Nông Văn A có nguyện vọng được nuôi con chung, cháu Nông Anh T1 có nguyện vọng được ở cùng với anh Anh. Anh Anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con và chị L hoàn toàn nhất trí bởi lẽ con chung từ khi anh chị sống ly thân, cháu ở cùng bố và đang học cấp 3 nên không muốn làm thay đổi môi trường sống, học tập của cháu T1.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị L và anh Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện TU, tỉnh Lai Châu xác định:

Chị Lù Thị L chính xác sinh ngày 16/7/1992, qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn trang số 03,04 năm 2007 tại UBND xã P thể hiện: Chị Lù Thị L sinh ngày 15/7/1988 và anh Nông Văn A, sinh ngày 01/10/1971. Khi đến làm thủ tục đăng ký kết hôn đều không cung cấp giấy tờ tùy thân. Để tạo điều kiện cho chị L và anh Anh nên anh chị tự khai báo ngày tháng năm sinh và cam đoan khai trung thực. Sau khi kiểm tra đối chiếu ngày tháng năm sinh do anh Anh và chị L khai thì phù hợp với độ tuổi kết hôn theo quy định nên UBND xã P đã đăng ký kết hôn cho chị L và anh Anh theo quy định. Ủy ban nhân dân xã P đề nghị Tòa án nhân dân huyện TU căn cứ theo các quy định của pháp luật để xem xét ban hành quyết định đảm bảo quyền và L ích hợp pháp của các bên có liên quan và nhất trí hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị L và anh Anh theo yêu cầu của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU tham gia phiên họp, phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367; 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm a khoản 1 Điều 8, Điều

10, Điều 11, Điều 12; Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Lù Văn T: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Lù Thị L và anh Nông Văn A theo giấy chứng nhận kết hôn số 03/2007, đăng ký ngày 16/3/2007 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (nay là huyện TU) và giao con chung cho anh Nông Văn A là người trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; không xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con do anh Anh không yêu cầu; ông T không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện TU nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Than Uyên (nay là huyện TU), tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp, ông Lù Văn T, chị Lù Thị L, anh Nông Văn A, Ủy ban nhân dân xã P đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành mở phiên họp là đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp Luật: Chị Lù Thị L, sinh ngày 16/7/1992 và anh Nông Văn A, sinh ngày 01/10/1971 đăng ký kết hôn ngày 16/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (nay là huyện TU) trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị Lù Thị L mới 14 tuổi 08 tháng nên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Đến thời điểm hiện tại, chị L đã đủ tuổi kết hôn nhưng quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn và hiện đang sống ly thân với nhau, đồng thời anh chị đều nhất trí việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của Ông Lù Văn T. Căn cứ theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, cần chấp nhận yêu cầu của Ông Lù Văn T về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị L và anh Anh theo giấy chứng nhận kết hôn số 03/2007, đăng ký ngày 16/3/2007 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Than Uyên (nay là huyện TU), tỉnh Lai Châu.

[3] Về hậu quả pháp lý của hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Do việc kết hôn giữa chị Lù Thị L và anh Nông Văn A vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và là kết hôn trái pháp luật nên kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, chị Lù Thị L và anh Nông Văn A phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Lù Thị L và anh Nông Anh Văn có 01 con chung là Nông Anh T1, sinh ngày 26/4/2008, hiện nay con đang chung sống cùng anh Anh tại tổ dân phố H, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh Lai Châu. Quá trình giải quyết việc dân sự cháu Nông Anh T1 có nguyện vọng ở với anh Anh. Anh Anh không yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và chị L hoàn toàn nhất trí.

Xét nguyện vọng của anh Anh về nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con chung và ý kiến của chị L. Do vậy, cần giao con cho anh Anh là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con anh Anh không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Lù Thị L và anh Nông Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về kiến nghị: Kiến nghị UBND xã P, huyện TU, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Lù Thị L và anh Nông Văn A theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 11, Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Lù Văn T không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo, quyền kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361; Điều 362; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của Ông Lù Văn T. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Lù Thị L và anh Nông Văn A theo đăng ký kết hôn số 03/2007, ngày 16/3/2007 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện TU, tỉnh Lai Châu.

2. Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật.

- Chị Lù Thị L và anh Nông Văn A phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Chị Lù Thi L và anh Nông Văn A có 01 con chung là Nông Anh T1, sinh ngày 26/4/2008.

Giao cho anh Nông Văn A là người trực triếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nông Anh T1 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nông Văn A không yêu cầu chị Lù Thị L cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Lù Thị L và anh Nông Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Kiến nghị UBND xã P, huyện TU, tỉnh Lai Châu thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Lù Thị L và anh Nông Văn A theo quy định của pháp luật.

4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Lù Văn T không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền L nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện TU;
- Chi cục THADS huyện TU;
- UBND xã P;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền L nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Dương Thị Tuyết Thanh